

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **200/2025/HC-PT**

Ngày: 17-04-2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Ngọc Thái**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Đinh Phước Hòa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Phượng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông **Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 58/2025/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2024/HC-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 846 /2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm: 1949; Địa chỉ: **Tổ I, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị **Bùi Thị Thanh T**, sinh năm: 1990; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Bùi Phú T1** - Luật sư thuộc **Đoàn Luật sư thành phố H**; có mặt.

Cùng địa chỉ: **B H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) **thành phố Q**.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Văn N** - Phó Chủ tịch **UBND thành phố Q**; có đơn xin xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Phạm Văn T2** - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. UBND phường T, thành phố Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ban Q đất thành phố Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Đức D** - Phó Giám đốc Ban Q đất thành phố Q; có đơn xin xét xử vắng mặt

3. Ông **Phan Đình T3**, sinh năm: 1969; có đơn xin xét xử vắng mặt

4. Ông **Phan Đình T4**, sinh năm: 1975; có mặt

5. Ông **Phan Đình T5**, sinh năm: 1977; có đơn xin xét xử vắng mặt

Cùng địa chỉ: **Tổ I, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.**

6. Bà **Phan Thị T6**, sinh năm: 1970; Địa chỉ: **Hẻm S đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng**; có mặt

7. Ông **Phan Đình T7**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: **Hẻm S đường P, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh**; vắng mặt

Người kháng cáo: người khởi kiện bà **Nguyễn Thị X**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện bà **Nguyễn Thị X** và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Về nguồn gốc thửa đất 516, tờ bản đồ số 4, đo vẽ năm 1986, **phường T, thành phố Q** như sau: Ngày 06/5/1975, vợ chồng chú ruột chồng bà **Nguyễn Thị X** tên là **Phan Đình T8** cùng vợ là bà **Nguyễn Thị L** cắt bớt một phần đất của thửa đất số 381 mà vợ chồng ông tạo mãi cho vợ chồng bà **Nguyễn Thị X** và ông **Phan Đình H**; bề ngang là 16m, bề dài bằng đất ông **Nguyễn T9** để khai hoang trồng trọt làm ăn. Năm 1976, vợ chồng bà **Nguyễn Thị X** lấy thửa đất mà vợ chồng bà tạo mãi là thửa đất số 390, diện tích 4 sào 5 thước đổi cho ông **Nguyễn Thích L1** thửa đất số 199, diện tích 3 sào 5 thước liền kề với đất ông **Phan Đình T8** cho để làm nhà ở và trồng cây lâu năm.

Năm 1977, bà **Nguyễn Thị X** phá ranh giữa đất ông **T8** và ông **Thích N1** lại thành một thửa vườn. Tháng 12 năm 1977, UBND phường T (nay là phường T) thực hiện cải tạo công thương nghiệp, bà **Nguyễn Thị X** kê khai thửa đất ông **Phan Đình T8** cho diện tích bề ngang là 16m, bề dài 56,6m diện tích là 905,6m² và thửa đất ông **T9** đổi là thửa đất 199 diện tích là 1.691m², hai thửa đất nhập lại diện tích là 2.596m². Năm 1978, Ban thuế phường Trần Phú trừ mồ mã và phần đất cầu tiêu chưa được khai vỡ còn lại nộp thuế là 2.300m². Đến năm 1984, Hội đồng đăng ký ruộng đất phường T cấp giấy chứng nhận cho bà **X** là 2.300m²/2.596m².

Từ năm 1984 đến năm 1987, bà **Nguyễn Thị X** khai vỡ hết đất và thân nhân người có mồ mã họ tự di dời hết mồ mã.

Tháng 11 năm 1987, bà **Nguyễn Thị X** kê khai lại biên động về đất diện tích là 2.596m² và nộp thuế cho Nhà nước. Năm 1988, bà **Nguyễn Thị X** bán mía cho nhà máy đường trừ thuế của bà là 559 ký mía (giấy chi trả tiền mía kèm theo). Từ năm 1990 đến năm 1993, vì hoàn cảnh khó khăn bà đã chuyển nhượng cho tám hộ được chính quyền cho phép.

Năm 1993, bà **Nguyễn Thị X** kê khai lại diện tích là 1.400m², **UBND phường T** đo đạc lại thông báo thuế cho bà phải nộp diện tích là 1.500m².

Bà nộp thuế đến năm 1996, ông **Lê Khánh C** làm quyền sử dụng đất được **UBND phường T** và địa chính thị xã xác nhận cạnh phía Bắc thửa đất của bà giáp tường rào **Trường Tiểu học T12**, không có đường đi, theo tờ bút lục số 48 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Ngãi (kèm theo).

Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 22/12/1997 của Chủ tịch **UBND thị xã Q** thu hồi đất của bà, cạnh phía Bắc giáp tường rào **Trường Tiểu học T12** không có đường.

Biên bản đo đạc hiện trạng sử dụng đất của ông **Phan Đình H** (chồng bà) phân đất còn lại của thửa đất 516 ngày 26/11/2004 cũng không có đường đi (có biên bản đo đạc hiện trạng đất kèm theo).

Bản đồ kèm theo các quyết định: Quyết định số 2390/QĐ-CT ngày 24/9/2004, quyết định số 2403/QĐ-CT ngày 27/9/2004, quyết định số 381/QĐ-CT ngày 28/2/2005 của **UBND tỉnh Q** hoàn toàn không có đường đi và bản đồ kèm theo Tờ trình số 209 ngày 15/10/2004 của **UBND thị xã Q** không có đường đi.

Năm 2015, **UBND phường T** căn cứ vào tờ bản đồ bút lục số 159 do Trung tâm trắc địa quan trắc môi trường vẽ đặc năm 2012 cho rằng bà lấn chiếm đất **đường T**, bản đồ đo vẽ ghi tên của bà và ghi thêm loại đất giao thông và ghi số 88 chồng lên trên chữ xanh và chưa chính xác, **UBND phường T** xác nhận thông tin về diện tích đất tính thuế của bà, Chi cục thuế ban hành thông báo nộp thuế số 18855/CCT ngày 16/3/2015 và quyết định số 1560/CCT ngày 19/5/2015 giải quyết khiếu nại của Chi cục thuế.

Ngày 30/11/2016, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đo đạc theo giấy triệu tập số 1048 ngày 23/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi. Đường đất là của thửa đất 516, tờ bản đồ số 4, đo vẽ năm 1986.

Ngày 27/12/2016, **Chi trưởng C** thuế trước Tòa nhận sai và rút lại thông báo nộp thuế số 18855/CCT ngày 16/3/2015 và quyết định số 1560/CCT ngày 19/5/2015 của **Chi cục thuế thành phố Q**. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định hủy bản án sơ thẩm của Tòa án **thành phố Q** và đình chỉ xét xử vụ án. Ngày 05/01/2017, **Chi cục thuế thành phố Q** hủy bỏ thông báo nộp thuế số 18855/CCT ngày 16/3/2015 và quyết định giải quyết khiếu nại số 1560/CCT ngày 19/5/2015 của **Chi cục thuế thành phố Q**.

Lý do của việc hủy bỏ do việc xác nhận thông tin về diện tích đất tính thuế của **UBND phường T** không đủ cơ sở pháp lý (có quyết định kèm theo). Ngày 10/3/2021, bà nhận được công văn số 812/UBND-TCĐ, trong đó có quyết định thu hồi đất số 6697/UBND của **UBND thành phố Q** kèm theo tại công văn số

812/UBND-TCD, Chủ tịch UBND thành phố Q cho rằng căn cứ vào bản đồ năm 2000 thì có một đường đi giữa thửa đất của bà đang quản lý sử dụng nhưng không phải của bà là chưa đúng.

Vì lý do Chủ tịch UBND tỉnh Q căn cứ vào Điều 3 Công văn số 298 ngày 02/3/2007 của Sở T13 ban hành, điểm 3 Công văn số 1034/UBND-NC ngày 13/4/2007 chỉ đạo Sở T13, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q, UBND Phường T lại hình thể và loại đất thửa đất của bà trong bản đồ năm 2000 cho phù hợp.

Lý do bà Nguyễn Thị X khởi kiện quyết định số 6697/UBND ngày 09/10/2019 của UBND thành phố Q có nội dung sau:

1. Thu hồi đất của bà ở tại phường T, thành phố Q diện tích: 201,3m², Loại đất ODT, thuộc thửa 38, tờ bản đồ số 1 được cập nhật tại tờ bản đồ số 7, 8 phường T là không đúng với số thửa đất và số tờ bản đồ của bà đang sử dụng. Thửa đất bà đang sử dụng là thửa đất 516, tờ bản đồ số 4, đo vẽ năm 1986 phường T.

2. Trung tâm T14 thực hiện ngày 14/6/2019 và Sở T13 thẩm định ngày 29/7/2019. Có hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo. Tại phiếu kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất: Tổng diện tích thửa đất A + B diện tích 201,3m² là không đúng tổng diện tích thửa đất của bà.

Tổng diện tích thửa đất của bà A + B là 1.149,6m² Nhà nước thu hồi của bà 201m², còn lại A + B là 948,3m² không phải phần còn lại 33,9m². Tại sao, bồi thường đất ở cho bà lại không có giấy tờ hiện có và tình hình thay đổi ranh giới của thửa đất.

Thực hiện theo biên bản đo đạc ngày 27/3/2019 là không trùng khớp với ngày tháng Trung tâm trắc địa quan trắc môi trường thực hiện và không trùng khớp với ngày tháng Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định tại Quyết định số 6697/QĐ-UBND. Biên bản đo đạc ngày 27/3/2019 chưa được chính quyền xác nhận và đóng dấu là không có giá trị pháp lý, chữ ký không đúng chữ ký của bà vì việc đo đạc không có bà tham gia.

Tại quyết định số 7364/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND thành phố Q bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bà 01 lô đất số 22 đường P thuộc dự án đường N đoạn từ đường T đến đường T hện bà cuối năm 2021 nhưng đến nay cũng chưa giao đất tái định cư cho bà, để bà nộp tiền sử dụng đất. Nhưng UBND thành phố Q buộc bà phải giao đất không thì cưỡng chế lấy đất của bà để thi công đúng tiến độ.

Tại bản kê chi tiết bồi thường, chưa bồi thường cây cối hoa màu cho bà và còn cho bà làm nhà để ở để mua bán kiếm sống từ năm 2011 đến nay chính quyền ở đâu không đến cản trở dỡ dọn mà cho bà làm nhà trên đất lấn chiếm là không có căn cứ. Vì lý do: Năm 2005 Nhà nước thu hồi đất của bà hai lần: một lần là 163m², lần 2 là thu hồi cống đã làm trên đất của bà là 14,5m²; tổng cộng hai lần diện tích là 177,5m² để mở đường Trương Định. Ngày 12/01/2006, bà giao đất cho Ban quản lý dự án thi công lót vỉa hè xong đến nay là 17 năm không có tranh

chấp. Như vậy thực tế thửa đất 516, tờ bản đồ số 4, đo vẽ năm 1986 chưa có quyết định thu hồi đất và cũng chưa được bồi thường cây cối hoa màu trên đất.

Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành quyết định thu hồi đất số 4806/QĐ-UBND ngày 08/8/2017, thu hồi đất giao thông của UBND phường T đất giao thông là không có cơ sở, vì lý do:

UBND phường T áp dụng vào bản đồ do Trung tâm trắc địa quan trắc môi trường đo vẽ năm 2012 ghi thêm vào bản đồ là loại đất giao thông và ghi thêm số 88 lên trên tên của bà xác nhận thông tin về diện tích đất tính thuế đất của bà đang nộp thuế ổn định là 1.155m^2 UBND phường T xác nhận thông báo thông tin chỉ còn $778,7\text{m}^2$ mặt đất của bà là $1.155\text{m}^2 - 778,7\text{m}^2 = 376,3\text{m}^2$.

Ngày 27/12/2016, Chi cục thuế thành phố Q trước Tòa nhận sai là do UBND phường T xác nhận thông tin về diện tích đất tính thuế không đủ cơ sở pháp lý Chi cục thuế thành phố Q rút lại thông báo số 18855 và quyết định giải quyết khiếu nại số 1560/CCT ngày 19/5/2015 của Chi cục thuế thành phố Q.

Ngày 05/01/2017, Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố Q ban hành quyết định số 51/CCT ngày 05/01/2017 hủy bỏ thông báo nộp thuế số 18855/CCT ngày 16/3/2015 và quyết định số 1560/CCT ngày 19/5/2015 của Chi cục thuế thành phố Q. Nhưng đến nay UBND phường T xác nhận thông tin về diện tích đất tính thuế của bà $778,7\text{m}^2$ là cố ý gây khó khăn phiền hà cho gia đình bà.

+ Ngày 06/01/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q xác định theo biên bản đo đạc hiện nguyên thửa đất 516, tờ bản đồ số 4, đo vẽ năm 1986 được Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q, UBND phường T cùng bà Nguyễn Thị X thống nhất cạnh phía bắc giáp tường rào (cũ) Trường Tiểu học T12 có kích thước dài 56,6m.

Nay, bà Nguyễn Thị X yêu cầu Tòa án tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

- Hủy Quyết định số 6697/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị X, thuộc thửa đất 516, phường T để thực hiện dự án đường N, thành phố Q (đoạn từ đường Trương Định đến đường T).

- Hủy Quyết định số 4806/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của của UBND phường T đang quản lý để xây dựng dự án: đường N, thành phố Q (đoạn từ đường Trương Định đến đường T) (phương án chi tiết đợt 1).

- Hủy một phần Quyết định số 7364/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND thành phố Q về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Nguyễn Thị X, thường trú phường T, thành phố Q thuộc dự án: Đường N, thành phố Q (đoạn từ đường Trương Định đến đường T) (phương án đợt 3 và điều chỉnh, bổ sung đợt 2) (Mục B, tiểu mục 3,4,5 và mục C tại Bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ban hành kèm theo Quyết định số 7364).

- Hủy Văn bản số 812/UBND-TCD ngày 10/3/2021 của UBND thành phố Q về việc trả lời nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị X.

- Hủy Văn bản số 1493/UBND-NC ngày 22/4/2021 của UBND thành phố Q về việc trả lời và hướng dẫn bà Nguyễn Thị X thực hiện quyền theo quy định.

- Buộc UBND thành phố Q ban hành quyết định hành chính về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị X thay thế các quyết định hành chính bị hủy theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 25/01/2024 và ngày 31/7/2024, bà Nguyễn Thị X rút yêu cầu khởi kiện về việc:

- Hủy Văn bản số 812/UBND-TCD ngày 10/3/2021 của UBND thành phố Q về việc trả lời nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị X.

- Hủy Văn bản số 1493/UBND-NC ngày 22/4/2021 của UBND thành phố Q về việc trả lời và hướng dẫn bà Nguyễn Thị X thực hiện quyền theo quy định.

Tại Văn bản số 480/UBND ngày 23/02/2023, người bị kiện UBND thành phố Q trình bày:

1. Quá trình thu hồi đất, bồi thường:

Dự án đường N, thành phố Q (đoạn từ đường Trương Định đến đường T) được Chủ tịch UBND tỉnh Q phê duyệt dự án đầu tư tại quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 31/8/2016. Dự án đường N do UBND thành phố giao cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thành phố làm chủ đầu tư, đồng thời thực hiện khảo sát lập phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án, trong đó có trường hợp bà Nguyễn Thị X.

Ban Q đất thành phố đã tiến hành khảo sát, kiểm kê phần diện tích đất của bà Nguyễn Thị X bị ảnh hưởng bởi dự án và lập phương án bồi thường trình UBND thành phố, được UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường tại Quyết định số 6694/QĐ-UBND ngày 09/10/2019. Đồng thời, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 6697/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 thu hồi đất của bà Nguyễn Thị X, với diện tích thu hồi 201,3m² và Quyết định số 7364/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà X. Bà Nguyễn Thị X đã nhận 1.865.495.980 đồng/1.870.022.929 đồng, còn lại 4.500.000 đồng sẽ chi trả cho bà khi bà tháo dỡ, bàn giao mặt bằng cho nhà nước thi công công trình.

Đối với Quyết định số 4806/QĐ-UBND ngày 08/8/2017, UBND thành phố về việc thu hồi đất của UBND phường T đang quản lý để xây dựng dự án: đường N, thành phố Q (đoạn từ đường Trương Định đến đường T) (phương án chi tiết đợt 1), diện tích thu hồi: 2.361,3m² được sở T13 thẩm định bản đồ ngày 20/4/2017, không thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị X.

Qua kiểm tra, việc UBND thành phố ban hành các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ nêu trên là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

2. Quá trình giải quyết khiếu nại:

Bà Nguyễn Thị X nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất đối với phần diện tích còn lại sau khi thu hồi thực hiện dự án, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh T15 đã có Thông báo về việc trả hồ sơ, với lý do: ...Qua kiểm tra đối chiếu bản đồ đo vẽ năm 2000, thửa đất số 199, tờ bản đồ số 08, phường T thì giữa thửa đất bà X đang sử dụng và trường tiểu học T12 có một con đường nhưng bà

X yêu cầu cán bộ đo đạc phải đo cả phần diện tích con đường (phía bắc giáp trường Tiểu học T12) nên cán bộ đo đạc không tiến hành đo đạc hiện trạng sử dụng đất theo yêu cầu của bà X...)

Tuy nhiên, bà X không khiếu nại hành vi hành chính trả hồ sơ của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh thành phố mà có đơn đề nghị UBND thành phố thực hiện Bản án số 01/HCST ngày 30/10/2002 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Ngãi (nay là thành phố Q).

Qua quá trình đối thoại, UBND thành phố ban hành Công văn số 812/UBND-TCD ngày 10/3/2021 trả lời nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị X. Không đồng ý với nội dung trả lời tại Công văn số 812/UBND-TCD ngày 10/3/2021 bà Nguyễn Thị X tiếp tục có đơn và UBND thành phố đã phúc đáp tại Công văn số 1493/UBND-NC ngày 22/4/2021, với nội dung: “Đối với diện tích đường đi sát bên trường tiểu học T12, với diện tích 250,8m², loại đất DGT, đất mà hiện nay bà Nguyễn Thị X yêu cầu xem xét cấp giấy CNQSD đất cho hộ gia đình bà. Hiện nay UBND thành phố ban hành Quyết định số 4806/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 thu hồi đất của UBND phường T để xây dựng dự án: đường N, thành phố Q. Do đó, bà Nguyễn Thị X có quyền khiếu nại đối với hành vi hành chính của UBND thành phố liên quan đến việc từ chối thu hồi, bồi thường đối với diện tích 250,8m² cho gia đình bà....”

Qua kiểm tra, UBND thành phố ban hành các công văn trên là đảm bảo theo thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục quy định.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số: 6697/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị X thuộc thửa đất số 516, phường T để thực hiện dự án đường N, thành phố Q (đoạn từ đường Trương Định đến đường T); số 4806/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị X; Hủy một phần Quyết định số 7364/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND thành phố Q về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Nguyễn Thị X, thường trú phường T, thành phố Q thuộc dự án: đường N, thành phố Q (đoạn từ đường Trương Định đến đường T) (phương án đợt 3 và điều chỉnh, bổ sung đợt 2); Hủy các văn bản số: 812/UBND-TCD ngày 10/3/2021 của UBND thành phố Q về việc trả lời nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị X và văn bản số 1493/UBND-NC ngày 22/4/2021 của UBND thành phố Q về việc trả lời và hướng dẫn bà Nguyễn Thị X thực hiện quyền theo quy định là không có cơ sở.

Tại Văn bản số 74/BC-BQL ngày 14/3/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ban Q đất thành phố Q trình bày:

Nguồn gốc sử dụng đất: Qua kiểm tra đối chiếu bản đồ năm 2000 của UBND phường T thì thửa đất trên là một phần thửa đất số: 199, tờ bản đồ số 8, diện tích 620,2m², loại đất Hg/b tương ứng qua bản đồ 299/TTg là thửa đất số 516, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.300 m², loại đất T10

- Theo sổ mục kê: Thửa số 516, diện tích 2.300m², loại đất T (thổ cư), tại quyền số 01, trang số 88, tờ bản đồ số 04, đứng tên chủ sử dụng đất ghi tên ông Phan Đình H.

- Theo sổ đăng ký ruộng đất (5a, 5b): Tại quyển số 01, trang số 60, số thứ tự 23 thì thửa số 516, diện tích 2.300m², loại đất T (thổ cư), tờ bản đồ số 4, đứng tên đăng ký chủ sử dụng đất là ông **Phan Đình H** với diện tích 1.800m²/2.300m², cột ghi chủ ghi tạm giao 1.300m². Ông **Phan Đình H** được Hội đồng đăng ký ruộng đất **phường T** cấp Giấy chứng nhận đăng ký ruộng đất số 553 vào ngày 26/11/1984, diện tích đất là 2.300m², không ghi loại đất.

Trên **cơ sở C1** nguồn gốc sử dụng đất, bảng kết quả xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất và kết quả phê duyệt loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất tại Công văn số 3431/UBND ngày 27/6/2019 của UBND thành phố thì thửa đất bà **X** đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về đất quy định tại Điều 100, Luật đai năm 2013 nên áp dụng theo Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 3 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của **UBND tỉnh Q** ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thì hộ bà **Nguyễn Thị X** được bồi thường về đất; Loại đất được xác định hỗ trợ như đất ở theo khoản 2, Điều 26, Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của **UBND tỉnh Q** ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Ban Quản lý dự án đã tiến hành lập phương án bồi thường, hỗ trợ và giao đất tái định cư cho hộ bà **Nguyễn Thị X** được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6694/QĐ-UBND ngày 09/10/2019; Quyết định thu hồi đất số 6697/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của **UBND thành phố Q** và Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 7364/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của **UBND thành phố Q**; với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 1.870.022.929 đồng (trong đó bồi thường về đất: 974.292.000 đồng, bồi thường công trình tài sản phục vụ sản xuất: 90.538.980 đồng, bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu: 4.725.000 đồng, các khoản hỗ trợ: 795.940.000 đồng, thưởng tháo dỡ: 4.526.949 đồng).

Sau khi phương án được phê duyệt, Ban quản lý dự án phối hợp với **UBND phường T** tổ chức công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bàn giao các Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình theo quy định và chi trả tiền cho hộ bà **Nguyễn Thị X**. Bà **Nguyễn Thị X** đã thống nhất nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Về tái định cư: Bà **Nguyễn Thị X** được giao 01 lô đất tái định cư theo diện phân phối đất ở. Lô đất số A22, diện tích: 125,0m², tại **Khu dân cư P đường P**.

Trong quá trình lập thủ tục để bàn giao đất tái định cư cho bà **Nguyễn Thị X**, qua kiểm tra tại vị trí lô đất còn vương nhà ở của ông **Lê C** và bà **Trần Thị Phương H1** chưa được bồi thường giải phóng mặt bằng. Vì vậy, **Phòng T** chưa có cơ sở tham mưu UBND thành phố ban hành Quyết định giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà **Nguyễn Thị X**. Ngày 13/4/2021, Ban Quản lý dự án phối hợp với **UBND phường T** tổ chức cuộc họp hoán đổi lô đất cho hộ bà **Nguyễn Thị X**. Tại cuộc họp, bà **Nguyễn Thị X** thống nhất hoán đổi từ Lô đất A.22, diện tích 125m², tại **Khu dân cư P đường P** sang Lô đất A28, diện tích 112,5m², tại **Khu dân cư P đường P**. Ngày 15/4/2021, Ban Quản lý dự án có

Báo cáo số 160/BC-BQL về việc kiến nghị hoán đổi lô đất tái định cư và đơn giá nộp tiền sử dụng đất cho hộ bà **Nguyễn Thị X** thuộc dự án **Đường N**. Ngày 06/5/2021, UBND thành phố ban hành Công văn số 1668/UBND-XD về việc thống nhất hoán đổi lô đất tái định cư đối với hộ bà **Nguyễn Thị X** thuộc dự án **đường N (đoạn từ đường T đến đường T)**. Tại nội dung Công văn có nêu “Về giá đất nộp tiền sử dụng đất khi giao đất của hộ bà **Nguyễn Thị X** để lập phương án điều chỉnh. Cập nhật chủ trương của UBND tỉnh liên quan đến đơn giá nộp tiền sử dụng đất đối với trường hợp hộ bà **Nguyễn Thị X**”.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện lập phương án điều chỉnh còn vướng mắc về đơn giá nộp tiền sử dụng đất không cùng thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Thông báo kết luận số 542/TB-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh), do đó chưa lập thủ tục hồ sơ giao đất tái định cư cho hộ bà **Nguyễn Thị X** để giải phóng mặt bằng thi công dự án.

Ban Q báo cáo quá trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư và cung cấp hồ sơ liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ của hộ bà **Nguyễn Thị X** thuộc dự án **Đường N, thành phố Q (Đoạn từ T đến T)** để Tòa án nhân dân tỉnh biết để thực hiện.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND phường T, ông Phan Đình T5, Phan Đình T4, Phan Đình T3, Phan Đình T7 và bà Phan Thị T6 mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không nêu ý kiến trình bày.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2024/HC-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32, Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 173; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348; Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 71, Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của **UBND tỉnh Q** ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị X** về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 4806/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của **UBND thành phố Q** về việc thu hồi đất của **UBND phường T**.

- Hủy Quyết định số 6697/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của **UBND thành phố Q** về việc thu hồi đất của bà **Nguyễn Thị X**, thuộc thửa đất 516, **phường T** để thực hiện dự án **đường N, thành phố Q (đoạn từ đường Trương Định đến đường T)**.

- Hủy một phần Quyết định số 7364/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của **UBND thành phố Q** về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà **Nguyễn**

Thị X, thường trú phường T, thành phố Q thuộc dự án: Đường N, thành phố Q (đoạn từ đường Trương Định đến đường T) (phương án đợt 3 và điều chỉnh, bổ sung đợt 2) (Mục B, tiểu mục 3,4,5 và mục C tại Bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ban hành kèm theo Quyết định số 7364).

- Buộc UBND thành phố Q ban hành quyết định hành chính về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị X thay thế các quyết định hành chính bị hủy theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc:

- Hủy Văn bản số 812/UBND-TCD ngày 10/3/2021 của UBND thành phố Q về việc trả lời nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị X.

- Hủy Văn bản số 1493/UBND-NC ngày 22/4/2021 của UBND thành phố Q về việc trả lời và hướng dẫn bà Nguyễn Thị X thực hiện quyền theo quy định.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 14/8/2024 người khởi kiện bà Nguyễn Thị X có đơn kháng cáo, và ngày 30/8/2024 thì có đơn kháng cáo bổ sung, với nội dung: đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 16/4/2022, bà Nguyễn Thị X có đơn khởi kiện yêu cầu: hủy một phần Quyết định số 4806/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của UBND phường T. Hủy Quyết định số 6697/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị X, thuộc thửa đất 516, phường T để thực hiện dự án đường N, thành phố Q (đoạn từ đường Trương Định đến đường T). Hủy một phần Quyết định số 7364/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND thành phố Q về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Nguyễn Thị X, thường trú phường T, thành phố Q thuộc dự án: Đường N, thành phố Q (đoạn từ đường Trương Định đến đường T) (phương án đợt 3 và điều chỉnh, bổ sung đợt 2) (Mục B, tiểu mục 3,4,5 và mục C tại Bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ban hành kèm theo Quyết định số 7364). Buộc UBND thành phố Q ban hành quyết định hành chính về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị X thay thế các quyết định hành chính

bị hủy theo đúng quy định của pháp luật. Hủy Văn bản số 812/UBND-TCD ngày 10/3/2021 của UBND thành phố Q về việc trả lời nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị X. Hủy Văn bản số 1493/UBND-NC ngày 22/4/2021 của UBND thành phố Q về việc trả lời và hướng dẫn bà Nguyễn Thị X thực hiện quyền theo quy định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32, Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị X xin rút yêu cầu khởi kiện về việc: hủy Văn bản số 812/UBND-TCD ngày 10/3/2021 của UBND thành phố Q về việc trả lời nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị X; hủy Văn bản số 1493/UBND-NC ngày 22/4/2021 của UBND thành phố Q về việc trả lời và hướng dẫn bà Nguyễn Thị X thực hiện quyền theo quy định. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X là tự nguyện. Căn cứ theo khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này là đúng pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về hành vi hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện là hợp lệ và trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị X thì thấy:

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 4806/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND thành phố Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

Dự án đường N, thành phố Q (đoạn từ đường Trương Định đến T) được Chủ tịch UBND tỉnh Q phê duyệt điều chỉnh dự án tại Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 31/8/2016, được UBND thành phố Q ban hành Thông báo số 315/TB-UBND ngày 07/10/2016 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án. Ngày 27/10/2016, Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng thành phố Q (nay là Ban Q đất thành phố Q) phối hợp với UBND phường T niêm yết Thông báo thu hồi đất và tiến hành các bước kiểm kê tài sản bị thiệt hại trên đất (bút lục 543 - 547). Ngày 08/8/2017, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 4806/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do UBND phường T quản lý gồm các thửa đất thuộc tờ bản đồ địa chính số 1, trích đo từ tờ bản đồ địa chính số 7, 8 phường T do Trung tâm T14 đo vẽ ngày 31/3/2017, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 20/4/2017. Theo quyết định số 4806/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND thành phố Q, diện tích đất do UBND phường T quản lý bị thu hồi là 2.361,3m², loại đất DGT, gồm các thửa đất thuộc tờ bản đồ địa chính khu đất số 1, trích đo từ

tờ bản đồ địa chính số 7, 8 **phường T** do **Trung tâm T14** đo vẽ ngày 31/3/2017. Theo quyết định trên, thửa đất số 17, tờ bản đồ 01, diện tích 2.456,7m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thẩm định đợt 1 ngày 20/4/2017 (trong đó có phần đất đường đi giáp phía Bắc thửa đất bà **X** chưa được thẩm định là 213m²). Ngày 29/7/2019, **Sở T13** thẩm định đợt 2, thẩm định phần diện tích đất đường đi giáp phía Bắc thửa đất của bà **X** là 250,8m² (thuộc một phần diện tích đất giao thông thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 01, loại đất DGT) và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 01, diện tích 201,3m² do bà **X** đang quản lý, sử dụng.

Bà **Nguyễn Thị X** cho rằng, phần diện tích đất 250,8m² nêu trên thuộc diện tích thửa đất 516, tờ bản đồ số 4 (bản đồ 299/TTg) của bà nên **UBND thành phố Q** thu hồi diện tích đất 250,8m² của **UBND phường T** quản lý là không đúng.

Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung Biên bản làm việc của Tòa án nhân dân tỉnh ngày 11/01/2024 thì thấy đại diện **UBND phường T** trình bày: phần diện tích bà **Nguyễn Thị X** cho rằng của bà nhưng **UBND thành phố Q** thu hồi của **UBND phường T** quản lý: Đối chiếu qua bản đồ đo vẽ năm 1993, tờ bản đồ số 6, thửa đất 516 biến động thành 02 thửa là thửa đất số 244 và thửa đất số 246, tổng diện tích 2.554m², trong đó thửa đất số 244 có một phần diện tích phía Bắc thể hiện là đường đi và phía Nam **Trường Tiểu học T12** cũng thể hiện đường đi. Theo Bảng kết quả xác minh, lấy ý kiến của khu dân cư ngày 10/4/2018 về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 01 trích đo để thực hiện dự án **đường N** do hộ bà **Nguyễn Thị X** đang sử dụng, có sự tham gia của các hộ dân từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của thửa đất cần xác minh thể hiện: Đối với phần đất bà **Nguyễn Thị X** đang sử dụng, theo bản đồ 299/TTg lập năm 1983 là 2.300m², Bản đồ lập năm 1993 là 2.554m² (thể hiện có đường đi ở phía Bắc), bản đồ lập năm 2000 là 2571,92m² (thể hiện có đường đi ở phía Bắc), đường đi này hình thành khoảng năm 1990, nhân dân tổ 18 vẫn đi lại trên con đường này, con đường này không thuộc thẩm quyền quản lý của bà **Nguyễn Thị X**. Mặt khác, tại trích sao bản đồ địa chính ban hành kèm theo quyết định số 2403/QĐ-CT ngày 27/9/2004 của Chủ tịch **UBND tỉnh Q** về việc giao đất cho Ban quản lý các dự án đầu tư và xây dựng **thị xã Q** dùng xây dựng tuyến mương thoát nước, phía Bắc thửa đất 516 có thể hiện đường đi. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do **UBND tỉnh Q** cấp ngày 17/4/2007 tại thửa đất 133 cho **Trường tiểu học T12**, phía Nam **Trường tiểu học T12** giáp đường đi.

Do đó, **UBND thành phố Q** ban hành Quyết định số 4806/QĐ-UBND thu hồi đất của **UBND phường T**, diện tích 2.361,3m², loại đất DGT, trong đó có phần đất đường đi giáp phía Bắc thửa đất bà **X**, diện tích 250,8m² là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét đối với Quyết định số 6697/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của **UBND thành phố Q** thì thấy;

Ngày 09/10/2019, **UBND thành phố Q** ban hành Quyết định số 6697/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà **Nguyễn Thị X**, diện tích thu hồi 201,3m², loại đất ODT, thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ địa chính khu đất số 01, được cập nhật

và biên tập từ tờ bản đồ địa chính số 7, 8 phường T phường T để thực hiện dự án đường N, thành phố Q (đoạn từ đường Trương Định đến đường T).

- Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất bị thu hồi tại Quyết định số 6697/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND thành phố Q

Theo bản đồ 299/TTg lập năm 1986, thuộc thửa đất số 516, tờ bản đồ số 4, phường T, diện tích 2.300m².

Theo bản đồ lập năm 1993, thuộc hai thửa đất số 244, diện tích 2.367m² và thửa đất số 246, diện tích 187m², loại đất T, tờ bản đồ số 6, phường T.

Theo bản đồ lập năm 2000, thửa đất số 244 biến động thành 11 thửa đất, thửa đất số 246 biến động thành 01 thửa, tổng diện tích 12 thửa đất là 2.571,92m².

Theo sổ mục kê lập theo Chỉ thị 299/TTg tại quyền số 1, trang số 88, thửa đất 516, tờ bản đồ số 4, phường T, diện tích 2.300m² do ông Phan Đình H đứng tên chủ sử dụng. Sổ đăng ký ruộng đất mẫu 5b tại quyền số 01, trang số 60, số thứ tự 23 thì thửa đất 516, diện tích 2.300m² đứng tên ông Phan Đình H với diện tích 1.800/2.300m², cột ghi chú ghi tạm giao 1.800m². Ông Phan Đình H được Hội đồng đăng ký ruộng đất phường T cấp giấy chứng nhận đăng ký ruộng đất số 553 vào ngày 26/11/1984, diện tích 2.300m², không ghi loại đất (bút lục 389).

Theo Giấy xác nhận về quyền sử dụng đất để làm cơ sở cho việc thu hồi và bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án đường N đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 01: Năm 1996, Nhà nước quy hoạch thu hồi đất để thực hiện dự án tuyến mương thoát nước có thu hồi của bà hộ gia đình bà Nguyễn Thị X 183,6m², loại đất ODT, do đó chia thửa đất của hộ bà Nguyễn Thị X thành 02 thửa (01 thửa nằm ở phía Nam mương thoát nước và 01 thửa nằm ở phía Bắc mương thoát nước). Năm 2004, phần diện tích thửa đất phía Bắc mương thoát nước Nhà nước quy hoạch thu hồi để thực hiện dự án đường T, diện tích thu hồi đất và bồi thường cho hộ bà Nguyễn Thị X là 140,4m², loại đất ODT.

- Đối với dự án đường N, trước khi tham mưu UBND thành phố Q ban hành Quyết định thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị X; ngày 27/3/2019, Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng thành phố Q (nay là Ban Q đất thành phố Q) phối hợp với UBND phường T, hộ dân bà Nguyễn Thị X tiến hành kiểm tra hiện trường thửa đất 38, bản đồ địa chính khu đất số 01, bản đồ được trích đo từ tờ bản đồ địa chính số 7, 8 phường T, thành phố Q, tại buổi đo đạc, bà Nguyễn Thị X xác nhận vào biên bản ngày 27/3/2019 “Tôi đồng ý nhà nước thu hồi đất của tôi là 201m² để mở đường Nguyễn Tự T11” (bút lục 635). Sau khi, kiểm tra hiện trường, đơn vị đo đạc đã trích phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và bà Nguyễn Thị X cũng xác nhận tại cột người sử dụng đất “Tôi đồng ý nhà nước thu hồi đất của tôi là 201m² để mở đường Nguyễn Tự T11” (bút lục 646). Đồng thời, trên cơ sở xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của UBND phường T ngày 14/3/2019 (bút lục 596), bảng kết quả xác minh và lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất ngày 01/3/2019 (bút lục 600); phần diện tích còn lại của thửa đất phía Bắc mương thoát nước bị quy hoạch thu hồi để thực hiện dự án đường N qua đo đạc thực tế của thửa đất số 38 là 201,3m², loại đất ODT, do Trung tâm trắc địa và Quan trắc môi trường tỉnh T14 đo vẽ năm 2016.

Trên cơ sở đó, ngày 09/10/2019, UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 6697/QĐ-UBND về thu hồi đất với diện tích thu hồi là 201,3m², loại đất ODT thuộc thửa đất 38, tờ bản đồ địa chính khu đất số 1, bản đồ được trích đo từ tờ bản đồ địa chính số 7, 8 phường T, thành phố Q (được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thẩm định ngày 29/7/2019). Như vậy, UBND thành phố Q ban hành quyết định số 6697/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 3 Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Bà Nguyễn Thị X cho rằng, UBND thành phố Q đã thu hồi đất của bà ở tại phường T, thành phố Q diện tích 201,3m², loại đất ODT, thuộc thửa 38, tờ bản đồ số 1 được cập nhật tại tờ bản đồ số 7, 8 phường T là không đúng với số thửa đất và số tờ bản đồ của bà đang sử dụng. Thửa đất bà đang sử dụng là thửa đất 516, tờ bản đồ số 4, đo vẽ năm 1986 phường T, việc đo đạc và lập biên bản ngày 27/3/2019 là không đúng vì chữ ký không phải của bà.

Tuy nhiên, như đã nhận định ở trên, việc UBND thành phố Q tiến hành các trình tự, thủ tục trong công tác thu hồi đất đối với thửa đất 38, tờ bản đồ địa chính khu đất số 1, bản đồ được trích đo từ tờ bản đồ địa chính số 7, 8 phường T, thành phố Q (được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thẩm định ngày 29/7/2019) có bà X tham gia đầy đủ các lần đo đạc, dẫn dắt ranh mốc giới, bà cũng xác nhận đúng diện tích thu hồi tại Biên bản ngày 27/3/2019 và phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất 38. Do đó, việc bà cho rằng, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 6697/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 không đúng quy định, không đúng với diện tích đất bà bị thu hồi là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Xét về tính hợp pháp của Quyết định số 7364/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND thành phố Q thì thấy: cùng với việc ban hành Quyết định số 6697/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị X; ngày 09/10/2019, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 6694/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng công trình đường N (đợt 3 bổ sung đợt 2) thành phố Q. Sau khi phương án được phê duyệt, Ban quản lý dự án phối hợp với UBND phường T tổ chức công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bàn giao các Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường hỗ trợ cho các hộ gia đình theo quy định.

Trên cơ sở bản tự kê khai, biên bản kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án ngày 05/12/2017; phiếu kiểm kê cây cối, hoa màu, mồ mả và tài sản khác ngày 31/7/2015; kết quả xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân ngày 01/3/2019, và kết quả phê duyệt loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất tại Công văn số 3431/UBND ngày 27/6/2019 của UBND thành phố Q; thửa đất bà X đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 nên UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 7364/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Nguyễn Thị X, với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 1.870.022.929 đồng (trong đó bồi thường về đất: 974.292.000 đồng, bồi thường công trình tài sản phục vụ sản xuất: 90.538.980 đồng, bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu: 4.725.000 đồng, các khoản hỗ trợ: 795.940.000 đồng, thưởng tháo dỡ: 4.526.949 đồng) là đúng quy định theo Điều 74, Điều 75, Luật Đất đai năm 2013

và Điều 3; khoản 2, Điều 26 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Q ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 06/11/2019, bà Nguyễn Thị X đã thống nhất nhận tiền bồi thường, hỗ trợ với số tiền 1.865.495.080 đồng (bút lục 663).

Về tái định cư: bà Nguyễn Thị X được giao 01 lô đất tái định cư theo diện phân phối đất ở. Lô đất số A22, diện tích: 125,0m², tại Khu dân cư P đường P. Do vướng mắc trong công tác bàn giao đất tái định cư nên Phòng T chưa có cơ sở tham mưu UBND thành phố ban hành Quyết định giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị X. Ngày 13/4/2021, Ban Quản lý dự án phối hợp với UBND phường T tổ chức cuộc họp hoán đổi lô đất cho hộ bà Nguyễn Thị X. Tại cuộc họp, bà Nguyễn Thị X thống nhất hoán đổi từ Lô đất A.22, diện tích 125m², tại Khu dân cư P đường P sang Lô đất A28, diện tích 112,5m², tại Khu dân cư P đường P. Tại phiên toà, đại diện Ban Quản lý dự án trình bày đang tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật để bố trí đất tái định cư cho hộ bà Nguyễn Thị X.

Như vậy, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 7364/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Do đó, bà Nguyễn Thị X yêu cầu hủy một phần Quyết định số 7364/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND thành phố Q về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Xét đối với yêu cầu buộc UBND thành phố Q ban hành quyết định hành chính về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị X thay thế các quyết định hành chính bị hủy theo đúng quy định của pháp luật thì thấy: Như đã nhận định ở trên, do không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 6697/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 và Quyết định số 7364/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND thành phố Q nên cũng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu buộc UBND thành phố Q phải ban hành quyết định hành chính về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ thay thế cho bà Nguyễn Thị X.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại phiên phúc thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị X kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là đúng nên không có căn cứ chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do người khởi kiện là bà Nguyễn Thị X bị bác kháng cáo nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, người khởi kiện bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà **Nguyễn Thị X.** Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2024/HC-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: áp dụng Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm cho bà **Nguyễn Thị X.**

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Thái